

**CÔNG TY TNHH MTV  
DU LỊCH KON TUM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**ĐÃ KIỂM TOÁN**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

**Địa chỉ: 02 - Phan Đình Phùng - Thành Phố Kon Tum**

***Báo cáo của Ban Giám đốc  
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán***

**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH KON TUM**

***Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014***

## MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. <b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	01 – 02
2. <b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	03
3. <b>CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014	04 – 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014	08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014	09
- Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014	10 – 15

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Du Lịch Kon Tum (gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **1. Thành lập**

Công ty TNHH MTV Du Lịch Kon Tum được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100102542 thay đổi lần 3 ngày 14/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp.

Trụ sở chính của công ty đặt tại: 02 - Phan Đình Phùng – Phường Quyết Thắng - Thành Phố Kon Tum – Tỉnh Kon Tum – Việt Nam.

### **2. Hoạt động kinh doanh chính**

- Trồng rừng và chăm sóc rừng
- Xây dựng nhà các loại
- Mua bán đồ uống có cồn, không cồn, vận tải hành khách bằng Taxi
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống
- Đại lý du lịch, điều hành tour du lịch
- Dịch vụ tắm hơi, massage, kinh doanh xuất nhập khẩu,kiều hối.

### **3. Các thành viên Ban Giám đốc**

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm cho đến ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Huỳnh Đức Tiên  
Nguyễn Lê Minh Phương

Giám đốc  
PT Kế toán

### **4. Đánh giá hoạt động kinh doanh**

Kết quả hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 được tóm tắt như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
- Doanh thu	642.303.426
- Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	2.744.256

### **5. Vốn điều lệ của công ty**

Vốn điều lệ: 3.450.000.000 đồng ( ba tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn)

### **6. Sự kiện sau ngày lập Bảng cân đối kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính.

**7. Công ty Kiểm toán**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K đã được chỉ định kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán**

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính và đảm bảo các báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong các năm tài chính kết thúc vào cùng ngày. Để lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh hợp lý chính xác tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ Chế độ Kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

**9. Ý kiến của Ban Giám đốc:**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày.

Kon Tum, ngày 08 tháng 03 năm 2015

**Thay mặt Ban Giám đốc**  
**Giám đốc**  
  
**Huỳnh Đức Tiến**



# CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

ĐC: 42 Trần Tống, P. Thạch Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng. ĐT: 0511 365 1818. Fax: 365 1868

Email: [kiemtoantdkdanang@gmail.com](mailto:kiemtoantdkdanang@gmail.com), [www.kiemtoandanang.com.vn](http://www.kiemtoandanang.com.vn)

VPĐD (thuộc CN Đà Nẵng): 44 Trương Chí Cương, Tam Kỳ, Quảng Nam. ĐT: 0510 2243.888  
243 Quang Trung, Đồng Hới, Quảng Bình. ĐT: 052 3855 988

VPCT: 2A tầng 1, sàn KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT-CAHN, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

58-01  
LÁNH  
V. TNH  
TOÁN  
H. G  
L. K  
TP

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 04 năm 2015

Số: 76915/TLTDK-TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Du Lịch Kon Tum  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

### Đồng Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV DU LỊCH KON TUM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Du Lịch Kon Tum gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được lập ngày 08 tháng 03 năm 2014, từ trang 04 đến trang 15 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi

#### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Du Lịch Kon Tum tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

**Phạm Thị Minh Hà**

Giấy Chứng nhận hành nghề Kiểm toán

Số: 2278 - 2014 - 045 - 1

Bộ Tài chính cấp ngày 22/08/2014

Giám đốc

**Đào Ngọc Hoàng**

Giấy Chứng nhận hành nghề Kiểm toán

Số: 0106 - 2014 - 045 - 1

Bộ Tài chính cấp ngày 22/08/2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Mẫu B 01 – DN**

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.676.144.163</b>	<b>3.731.714.700</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.685.942.124</b>	<b>1.656.076.240</b>
1.	Tiền	111	(1)	1.685.942.124	1.656.076.240
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>133.553.468</b>	<b>168.686.194</b>
1.	Phải thu khách hàng	131	(2)	51.244.383	62.428.541
2.	Trả trước cho người bán	132		-	27.149.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	(3)	82.309.085	79.108.653
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.282.812</b>	<b>1.063.388</b>
1.	Hàng tồn kho	141	(4)	1.282.812	1.063.388
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	(5)	<b>1.855.365.759</b>	<b>1.905.888.878</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		16.016.781	16.723.234
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		1.839.348.978	1.889.165.644

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>27.860.000</b>	<b>12.597.475</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	<b>2.767.475</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221		-	<b>2.767.475</b>
	<i>Nguyên giá</i>	222		-	12.453.636
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		-	(9.686.161)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.460.000</b>	<b>4.460.000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		4.460.000	4.460.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	(6)	<b>23.400.000</b>	<b>5.370.000</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		23.400.000	5.370.000
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.704.004.163</b>	<b>3.744.312.175</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>173.230.752</b>	<b>188.077.157</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>173.230.752</b>	<b>188.077.157</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2.	Phải trả người bán	312	(7)	36.200.000	120.547.182
3.	Người mua trả tiền trước	313		-	1.203.000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(8)	8.884.068	12.781.472
5.	Phải trả người lao động	315		-	-
6.	Chi phí phải trả	316		-	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(9)	128.146.684	52.336.347
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	1.209.156
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	(10)	<b>3.530.773.411</b>	<b>3.556.235.018</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>3.530.773.411</b>	<b>3.556.235.018</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.448.942.684	3.448.942.684
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		79.792.924	70.593.492
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	2.626.871
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.037.803	34.071.971
11.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.704.004.163</b>	<b>3.744.312.175</b>

2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1.	Tài sản thuê ngoài				
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4.	Nợ khó đòi đã xử lý				
5.	Ngoại tệ các loại				
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Kon Tum, ngày 08 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Lê Minh Đường

Kế toán trưởng

Nguyễn Lê Minh Đường

Giám đốc



Huỳnh Đức Tiến

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mẫu B 02 – DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(11)	642.303.426	669.359.591
2.	Các khoản giảm trừ	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		642.303.426	669.359.591
4.	Giá vốn hàng bán	11	(12)	635.908.623	816.448.803
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.394.803	(147.089.212)
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	(13)	8.006.651	221.304.032
7.	Chi phí tài chính	22	(14)	310.000	51.095.308
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	50.412.000
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(15)	13.394.206	16.273.988
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		697.248	6.845.524
11.	Thu nhập khác	31	(16)	131.056.333	-
12.	Chi phí khác	32	(17)	129.009.325	5.991.288
13.	Lợi nhuận khác	40		2.047.008	(5.991.288)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.744.256	854.236
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		706.453	213.559
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.037.803	640.677
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Kon Tum, ngày 08 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

  
 Nguyễn Lê Minh Hoàng

Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Lê Minh Hoàng

Giám đốc

  
  
 Huỳnh Đức Tiến

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Mẫu B 03 – DN**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
<b>I.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		893.245.000	975.450.000
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(418.936.858)	(846.688.501)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(444.442.258)	(471.209.188)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04			(50.412.000)
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06			
7.	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07			(322.122.122)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>29.865.884</b>	<b>(714.981.811)</b>
<b>II.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	21			
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản khác	22			
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>			
<b>III.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>			
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 +30+40)</b>	<b>50</b>		<b>29.865.884</b>	<b>(714.981.811)</b>
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.656.076.240	2.371.058.051
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 +60 +61)</b>	<b>70</b>		<b>1.685.942.124</b>	<b>1.656.076.240</b>

Kon Tum, ngày 08 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

  
 Nguyễn Lê Minh Đường

Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Lê Minh Đường

Giám đốc

  
 Huỳnh Đức Tiên

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### **I. Đặc điểm hoạt động**

Công ty TNHH MTV Du Lịch Kon Tum được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100102542 thay đổi lần 3 ngày 14/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp.

Trụ sở chính của công ty đặt tại: 02 - Phan Đình Phùng – Phường Quyết Thắng - Thành Phố Kon Tum – Tỉnh Kon Tum – Việt Nam..

**1. Hình thức sở hữu vốn:** Doanh nghiệp nhà nước

**2. Ngành nghề kinh doanh:**

- Trồng rừng và chăm sóc rừng
- Xây dựng nhà các loại
- Mua bán đồ uống có cồn, không cồn, vận tải hành khách bằng Taxi
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống
- Đại lý du lịch, điều hành tour du lịch
- Dịch vụ tắm hơi, massage, kinh doanh xuất nhập khẩu,kiều hối

**3. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:**

Đầu tư khách sạn bằng 100% vốn vay trong bối cảnh kinh tế thế giới bị suy thoái, kinh tế Việt Nam bị lạm phát những tháng đầu năm, tình hình tài chính, tín dụng ngưng trệ ảnh hưởng lớn đến kinh doanh khách du lịch giảm, lãi suất vay tăng cao.....

### **II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (đồng).

### **III. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty TNHH MTV Du Lịch Kon Tum áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức Kế toán: Nhật ký chứng từ.

### **IV. Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### **V. Các chính sách kế toán áp dụng**

Sau đây là tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty TNHH MTV Du Lịch Kon Tum sử dụng để lập Báo cáo tài chính

#### **V.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tất cả các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đều được ghi nhận như khoản tương đương tiền.

Đồng tiền được sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND); các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### **V.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Theo giá thấp hơn giá gốc và giá trị thuần
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Theo phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

### **V.3. Ghi nhận tiền lương**

Quỹ tiền lương được quyết định thông qua Ban Giám Đốc của Công ty TNHH MTV Du Lịch Kon Tum.

### **V.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Các khoản dự phòng được trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

### **V.5. Ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

- Nguyên giá Tài sản cố định được phản ánh theo giá thực tế.
- Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng tài sản khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### **V.6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại, phải trả nội bộ, khoản vay và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

### **V.7. Ghi nhận các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian sử dụng.

Đối với công cụ, dụng cụ thì thời gian phân bổ tối đa là 2 năm.

### **V.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính**

Thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định khi dịch vụ cung cấp đã hoàn thành và được khách hàng nghiệm thu, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

### **V.9. Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng đang thực hiện**

- Thuế Giá trị gia tăng: VAT đầu ra là 10%
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp:
  - + Thuế suất thuế TNDN năm 2014 là 20%
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

## **VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

### **01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tiền Việt Nam	470.937.602	1.647.959.017
Tiền gửi Ngân hàng bằng đồng Việt Nam	1.215.004.522 (i)	8.117.223
	<u>1.685.942.124</u>	<u>1.656.076.240</u>
<i>(i) bao gồm:</i>		
Ngân hàng Agribank	1.082.467	1.889.919
Ngân hàng Công Thương	1.201.423.558	1.408.867
Ngân hàng Đầu Tư	989.563	1.088.781
Ngân hàng Đông Á	1.016.584	1.011.368
Ngân hàng Vietcombank	9.462.227	1.692.559
Ngân hàng Sacombank	1.030.123	1.025.729
	<u>1.215.004.522</u>	<u>8.117.223</u>

**THUYẾT MINH BẢO CẠO TẠI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thế hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09-DN

**Báo cáo tài chính năm 2014**  
Đã được kiểm toán bởi  
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá  
Thăng Long - T.D.K

**02. Phải thu của khách hàng**

Phải thu của khách hàng  
(K/S ĐAKBLA và TTDH DU LỊCH)

31/12/2014	51.244.383
01/01/2014	62.428.541
31/12/2014	51.244.383
01/01/2014	62.428.541

**03. Phải thu khác**

Phải thu khác

31/12/2014	82.309.085
01/01/2014	79.108.653
31/12/2014	82.309.085
01/01/2014	79.108.653

**04. Hàng tồn kho**

Giá mua hàng hóa

31/12/2014	1.282.812
01/01/2014	1.063.388
31/12/2014	1.282.812
01/01/2014	1.063.388

**05. Tài sản ngắn hạn khác**

Thuế TNDN ứng trước  
Tạm ứng

31/12/2014	16.016.781
01/01/2014	16.723.234
31/12/2014	1.839.348.978
01/01/2014	1.889.165.644
31/12/2014	1.855.365.759
01/01/2014	1.905.888.878

**06. Đầu tư dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác

31/12/2014	23.400.000
01/01/2014	5.370.000
31/12/2014	23.400.000
01/01/2014	5.370.000

**07. Phải trả người bán**

Phải trả cho nhà cung cấp

31/12/2014	36.200.000
01/01/2014	120.547.182
31/12/2014	36.200.000
01/01/2014	120.547.182

(i) bao gồm:  
TTDHDL  
BỘL KS DLA  
Nhà hàng NL  
Kiểm toán TDK  
Luật sư TP HCM  
Đại lý vé  
Khách sạn Dakla

**08. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế giá trị gia tăng phải nộp

31/12/2014	8.884.068
01/01/2014	12.781.472
31/12/2014	8.884.068
01/01/2014	12.781.472

31/12/2014	36.200.000
01/01/2014	120.547.182
31/12/2014	36.200.000
01/01/2014	120.547.182

31/12/2014	36.200.000
01/01/2014	40.620.000
31/12/2014	36.200.000
01/01/2014	10.746.000
31/12/2014	19.262.000
01/01/2014	36.200.000
31/12/2014	494.182
01/01/2014	13.225.000



**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH KON TUM**

02- Phan Đình Phùng - Thành phố Kon Tum

Điện thoại: 0603 862 122 Fax: 0603 863961

MST: 6100102542

**Báo cáo tài chính năm 2014**

Đã được kiểm toán bởi

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá

Thăng Long – T.D.K

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**09. Phải trả phải nộp khác**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Phải trả, phải nộp khác	128.146.684	52.336.347
	<b>128.146.684</b>	<b>52.336.347</b>

**10. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lãi/(Lỗ) tích lũy	Cộng
Số dư đầu năm nay	3.448.942.684	70.593.492	2.626.871	34.071.971	3.556.235.018
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	2.037.803	2.037.803
Tăng khác	-	9.199.432	3.407.167	-	12.606.599
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(6.034.038)	(34.071.971)	(40.106.009)
Số dư cuối năm	3.448.942.684	79.792.924	-	2.037.803	3.530.773.411

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo Kết quả Kinh doanh****11. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
Doanh thu bán hàng hóa	642.303.426	669.359.591
	<b>642.303.426</b>	<b>669.359.591</b>

**12. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	635.908.623	816.448.803
	<b>635.908.623</b>	<b>816.448.803</b>

**13. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
Lãi tiền gửi	8.006.651	221.304.032
	<b>8.006.651</b>	<b>221.304.032</b>

**14. Chi phí tài chính**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
Lãi tiền vay	310.000	50.412.000
Chi phí tài chính khác	-	683.308
	<b>310.000</b>	<b>51.095.308</b>

**15. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.394.206	16.273.988
	<b>13.394.206</b>	<b>16.273.988</b>

 2014  
 H  
 N  
 H  
 A  
 IG  
 Đ  
 A  
 N

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### **16. Thu nhập khác**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
Các khoản thu nhập khác	131.056.333	-
	<b>131.056.333</b>	-

### **17. Chi phí khác**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
Các khoản chi phí khác	129.009.325	5.991.288
	<b>129.009.325</b>	<b>5.991.288</b>

## **VIII. Các thông tin khác**

### **18. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31/12/2014 cho đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **19. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính 2014 không có giao dịch hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở Công ty sẽ hoạt động liên tục.

### **20. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 chưa được kiểm toán bởi bất kỳ công ty kiểm toán nào.

## **IX. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Các báo cáo cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 đã được Giám đốc công ty phê duyệt và phát hành.

Kon Tum, ngày 08 tháng 03 năm 2015

**Người lập biểu**

  
Nguyễn Lê Minh Đường

**Kế toán trưởng**

  
Nguyễn Lê Minh Đường

**Giám đốc**



**Huỳnh Đức Tiến**